

Số: 27/2021/QĐST-HNGĐ

A Lưới, ngày 28 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ khoản 4 Điều 397 và Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lê Xuân Th, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Lê L, xã Hồng B, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế;

2. Chị Lê Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Lê L, xã Hồng B, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và căn cứ vào kết quả hòa giải ngày 20 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện A Lưới nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Xuân Th và chị Lê Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12-01-2007, tại Ủy ban nhân dân thị trấn A L, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế nên quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị L là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng không hòa thuận, nguyên nhân là do hai người không hợp tính nhau, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Xét thấy, vợ chồng anh Th và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm

của luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình cần công nhận anh Lê Xuân Th và chị Lê Thị L thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Cháu Lê Thị Hồng M, sinh ngày 04-11-2007. Hiện nay con đang ở với chị L. Chị L và anh Th thỏa thuận giao cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con, kể từ khi ly hôn đến khi con thành niên. Anh Th nộp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng từ khi ly hôn đến khi con đủ tuổi thành niên, là phù hợp với quy định Luật Hôn nhân và gia đình. Sự thỏa thuận về nuôi con chung là tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: không có nên không xem xét.

[4] Về lệ phí sơ thẩm: Anh Th và chị L thỏa thuận, chị L nộp toàn bộ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận anh Lê Xuân Th và chị Lê Thị L thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Cháu Lê Thị Hồng M, sinh ngày 04-11-2007. Chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng từ khi ly hôn đến khi con thành niên. Anh Lê Xuân Th nộp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) từ khi ly hôn cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Đối với khoản cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi người phải thi hành án thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: không có.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Chị Lê Thị L chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 đồng, được trừ và số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ tại Biên lai số AA/2016/0002664, ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị L đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật

sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện A Lưới;
- CC THADS huyện A L;
- UBND thị trấn A L;
- Lưu hồ sơ; AV.

THẨM PHÁN

Hồ Văn Nhân